

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng hơn 25 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,754.84 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Tiện ích, Hàng & dịch vụ công nghiệp,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Thị trường đang giao dịch khá lỏng lẻo cùng thanh khoản thấp; rủi ro tập trung hiện hữu khi cổ phiếu Vin vẫn đóng vai trò dẫn dắt thị trường. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng, chờ đợi VN-Index tìm thấy điểm cân bằng mới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 29/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+25.04** điểm, đóng cửa tại **1754.84** điểm. HNX-Index **+0.69** điểm, đóng cửa tại **251.22** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+8.03)**, **VHM (+7.26)**, **GAS (+2.53)**, **GEE (+1.24)**, **STB (+1.01)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPG (-0.33)**, **VPB (-0.25)**, **TCX (-0.22)**, **SHB (-0.15)**, **SSI (-0.11)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,593** tỷ đồng, giảm **-39.75%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,195 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 23.21 điểm. Thị trường có **189** mã tăng, 59 mã tham chiếu, **126** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-87.95** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **BWE (-328.87 tỷ)**, **VIC (-261.46 tỷ)**, **VHM (-125.93 tỷ)**, **HDB (-111.04 tỷ)**, **VCB (-62.55 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.97** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.77%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+7.00%) [\(Link báo cáo\)](#)
STB (+4.17%)
PVS (+4.15%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+1.23%**. Các mã diễn biến tích cực:
BVH (+6.98%)
GAS (+6.52%) [\(Link báo cáo\)](#)
TNG (+5.11%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.77%	1.23%	1.45%	1.26%
1 tuần	-0.94%	-2.36%	0.22%	0.27%
1 tháng	-1.41%	-3.38%	3.78%	3.47%
3 tháng	-2.16%	-7.45%	5.61%	6.84%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,754.84	251.22	120.21
% 1D	1.45%	0.28%	0.78%
GTKL (tỷ VND)	16,593	1,140	402
%1D	-39.75%	-27.57%	-47.79%
GDNN (tỷ VND)	-87.95	-2.97	-17.91

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	300.65	BWE	-328.87
STB	224.46	VIC	-261.46
VJC	56.43	VHM	-125.93
GEX	52.80	HDB	-111.04
GAS	35.57	VCB	-62.55

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

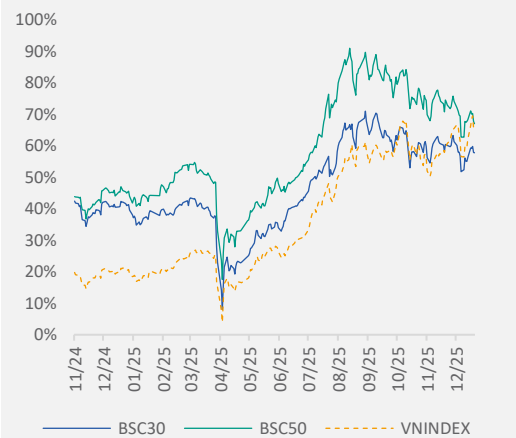
		%D	%W
SPX	6,930	-0.03%	2.29%
FTSE100	9,868	-0.03%	0.31%
Eurostoxx	5,742	-0.13%	0.44%
Shanghai	3,965	0.04%	1.22%
Nikkei	50,527	-0.44%	0.18%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.63	-0.99%
Giá vàng	4,465	-1.42%
Tỷ giá		
USD/VND	26,381	-0.01%
EUR/VND	31,770	0.04%
JPY/VND	172	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	0.00%
LS LNH 1M	8.4%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

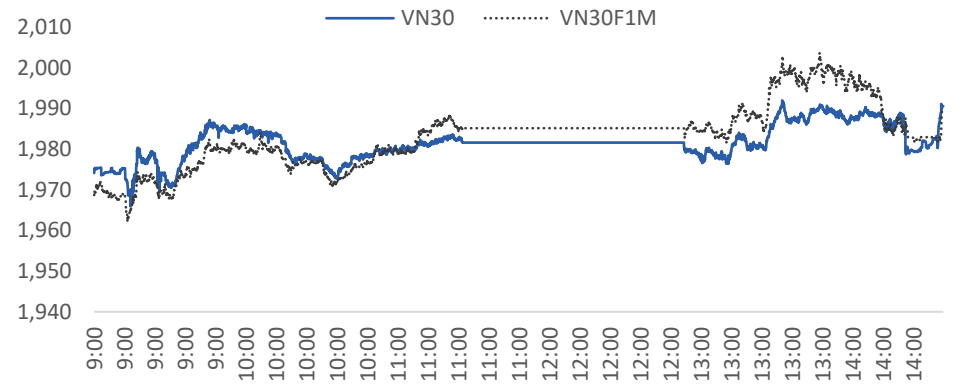
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1990.20	1.08%	260,991	-38.0%	15/01/2026	17
41I1G6000	1978.70	1.68%	27	-88.1%	18/06/2026	171
41I1G1000	1990.20	1.08%	260,991	-38.0%	15/01/2026	17
41I1G3000	1981.40	0.83%	58	-76.23%	19/03/2026	80

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +24.69 điểm, đóng cửa tại 1990.66 điểm. Biên độ dao động 25.47 điểm. Các cổ phiếu như VHM, VIC, FPT, STB, VRE tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữa được sắc xanh từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2524	23/06/2026	176	12,500	10.02%	53.90	2,400	42.0%	2.06	65.90	59.90	59.90
CSTB2529	25/03/2026	86	731,900	14.59%	65.50	1,570	37.7%	1.32	68.64	59.90	59.90
CSTB2525	23/07/2026	206	100	14.92%	57.20	2,910	37.3%	2.25	68.84	59.90	59.90
CFPT2511	12/01/2026	14	196,200	12.60%	105.84	40	33.3%	0.00	106.19	94.30	94.30
CSTB2535	11/05/2026	133	16,900	24.91%	71.70	1,040	31.6%	0.73	74.82	59.90	59.90
CFPT2526	25/06/2026	178	12,300	27.83%	114.11	650	27.5%	0.22	120.55	94.30	94.30
CSTB2512	23/02/2026	56	32,500	0.77%	46.00	3,590	26.9%	3.59	60.36	59.90	59.90
CSTB2523	4/05/2026	126	172,300	7.89%	56.87	970	26.0%	0.93	64.63	59.90	59.90
CSTB2532	8/09/2026	253	137,000	27.41%	68.70	2,540	25.7%	1.75	76.32	59.90	59.90
CHDB2510	26/05/2026	148	19,600	9.73%	25.83	2,890	25.7%	2.25	30.29	27.60	27.60
CSTB2537	18/01/2027	385	6,000	32.05%	65.00	2,350	25.0%	1.45	79.10	59.90	59.90
CFPT2530	9/02/2026	42	11,800	21.90%	113.32	330	22.2%	0.02	114.95	94.30	94.30
CSTB2521	23/06/2026	176	1,020,200	5.44%	50.00	3,290	21.9%	3.23	63.16	59.90	59.90
CSTB2536	16/10/2026	291	6,900	27.28%	64.00	2,040	20.7%	1.26	76.24	59.90	59.90
CSTB2531	9/03/2026	70	528,700	7.65%	60.10	1,460	20.7%	1.41	64.48	59.90	59.90
CSTB2528	23/02/2026	56	553,200	0.13%	49.00	3,660	20.4%	3.86	59.98	59.90	59.90
CSTB2519	23/06/2026	176	291,900	4.67%	51.00	3,900	20.4%	4.07	62.70	59.90	59.90
CFPT2525	25/03/2026	86	1,143,300	13.98%	101.94	560	19.1%	0.27	107.48	94.30	94.30
CVHM2524	18/01/2027	385	52,300	55.34%	147.00	4,480	19.1%	1.14	182.84	117.70	117.70
CSTB2520	23/03/2026	84	390,700	-0.93%	48.00	3,780	18.9%	4.31	59.34	59.90	59.90

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 29/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CSTB2524 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 42.01%. CSTB2521 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.46%.
 - CVHM2521, CDGC2501, CVRE2526, CFPT2503, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	159.70	3.03%	8.03	7.73
VHM	117.70	7.00%	7.26	4.11
GAS	75.10	6.52%	2.53	2.41
GEE	230.80	6.85%	1.24	0.37
STB	59.90	4.17%	1.01	1.89

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	35.10	4.15%	0.43	0.51
PVI	97.00	2.54%	0.34	0.23
KSV	91.10	2.59%	0.28	0.20
CEO	22.60	1.80%	0.13	0.57
BAB	12.30	1.65%	0.12	1.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	117.70	7.00%	7.46	7.77
MDG	26.80	6.99%	0.00	0.00
BVH	59.80	6.98%	0.68	1.31
DAT	9.37	6.96%	0.01	0.02
PMG	6.95	6.92%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HLD	23.40	9.86%	0.51	0.32
ONE	7.80	9.86%	0.02	0.84
POT	21.20	9.84%	0.16	0.00
PVB	34.70	9.81%	0.30	0.82
TV3	17.00	9.68%	0.06	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	26.70	-0.74%	-0.33	7.68
VPB	28.00	-0.53%	-0.25	7.93
TCX	46.00	-0.97%	-0.22	2.31
SHB	16.20	-0.92%	-0.15	4.59
SSI	30.50	-0.81%	-0.11	2.08

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	68.00	-0.73%	-0.26	0.90
SHS	20.80	-1.42%	-0.16	0.90
DHT	69.30	-3.08%	-0.11	0.09
NVB	13.60	-0.73%	-0.11	1.92
NFC	59.10	-6.49%	-0.04	0.02

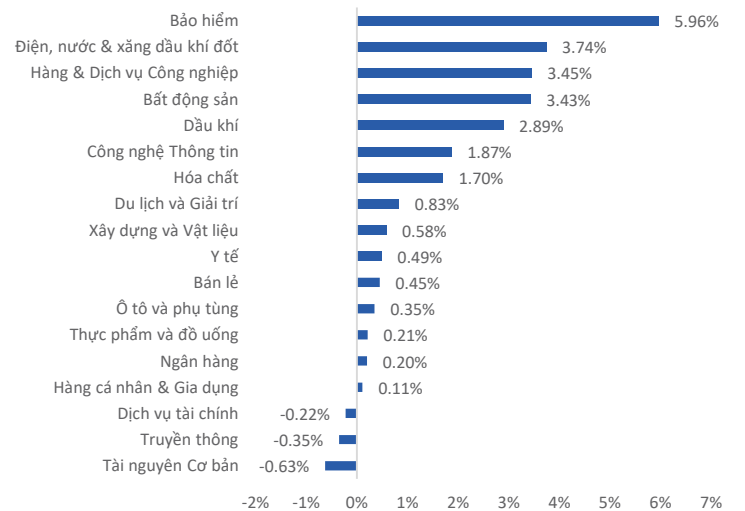
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HRC	27.10	-6.87%	-0.01	0.00
SVD	4.97	-6.75%	0.00	0.00
TIX	42.00	-6.67%	-0.02	0.00
ST8	4.65	-5.87%	0.00	0.19
CRE	8.55	-5.00%	-0.04	0.55

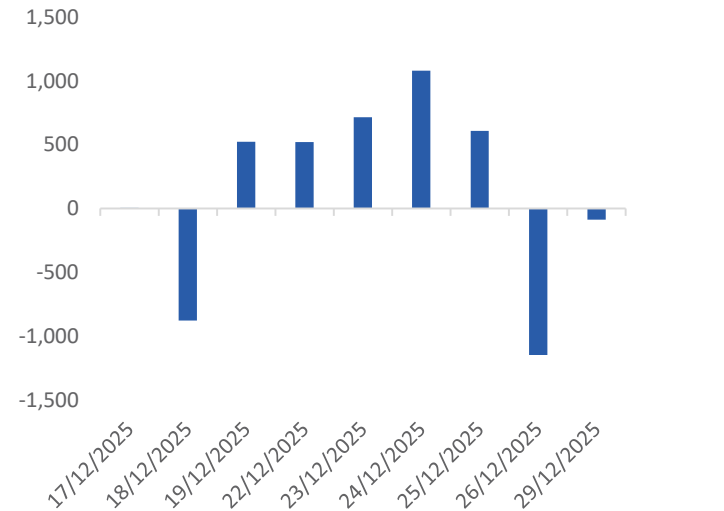
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QTC	35.00	-9.79%	-0.04	0.00
VTJ	3.70	-9.76%	-0.02	0.00
VTC	13.10	-9.66%	-0.02	0.04
KDM	24.80	-8.15%	-0.06	0.16
NFC	59.10	-6.49%	-0.24	0.04

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	87.1	0.1%	1.3	127,756	581.6	3,956	22.0	106,000	47.0%	Link
KBC	Bất động sản	33.6	1.2%	1.5	31,266	50.0	1,872	17.7	46,000	10.2%	Link
KDH	Bất động sản	31.7	-1.1%	1.2	35,967	68.1	857	37.4	39,900	28.3%	Link
PDR	Bất động sản	19.6	1.3%	1.6	19,308	188.4	211	91.7	28,200	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	117.7	7.0%	1.4	451,815	908.9	6,133	17.9	119,600	8.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	94.3	2.0%	0.7	157,574	599.5	5,280	17.5	118,700	38.8%	Link
BSR	Dầu khí	16.7	2.8%	0.0	81,369	293.3	413		23,200	1.0%	Link
PVS	Dầu khí	35.1	4.2%	1.3	17,235	407.4	2,841	11.9	42,800	14.1%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.8	-0.7%	1.3	24,731	95.3	1,349	17.0		34.1%	
SSI	Dịch vụ tài chính	30.5	-0.8%	1.4	76,601	390.7	1,862	16.5		32.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.3	-0.8%	1.3	30,264	248.3	1,581	22.5		14.8%	
DCM	Hóa chất	32.7	2.8%	1.0	16,835	55.0	3,578	8.9	47,300	3.6%	Link
DGC	Hóa chất	61.0	0.2%	0.7	23,129	397.0	8,296	7.3	109,300	6.9%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	0.4%	0.8	122,766	190.8	3,385	7.1	28,400	28.6%	Link
BID	Ngân hàng	38.8	0.0%	0.8	272,429	63.9	3,781	10.3	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	35.3	0.3%	1.0	273,396	266.7	4,292	8.2	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	27.6	0.0%	1.4	138,146	402.0	3,021	9.1	34,400	23.5%	Link
MBB	Ngân hàng	24.9	0.0%	1.1	200,167	401.9	3,017	8.2	29,300	21.3%	Link
MSB	Ngân hàng	12.3	0.0%	1.1	38,376	130.0	1,729	7.1	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	59.9	4.2%	1.0	108,400	1503.8	6,519	8.8		14.6%	
TCB	Ngân hàng	34.1	0.4%	1.2	240,224	841.1	3,111	10.9	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.9	-0.3%	1.1	47,020	113.3	2,358	7.2	-	24.9%	Link
VCB	Ngân hàng	57.1	0.0%	0.7	477,109	181.5	4,202	13.6	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.6	0.0%	1.0	59,911	65.0	2,225	7.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.0	-0.5%	1.4	223,340	633.6	2,603	10.8	35,650	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.7	-0.7%	1.0	206,470	487.8	1,876	14.3	33,170	19.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.2	0.9%	1.3	9,967	36.4	1,178	13.6	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.3	-0.9%	0.9	10,603	87.8	4,150	6.6	28,800	2.1%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	75.5	0.3%	1.2	108,877	317.3	2,196	34.3	98,300	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.1	1.0%	0.6	128,532	120.5	4,160	14.8	64,500	50.7%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.1	2.69%	1.1	8,637	51.4	2,410	16.2	21.5%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	146.0	1.25%	1.1	24,558	29.1	3,620	39.8	32.4%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	59.8	6.98%	0.8	41,496	77.0	3,578	15.6	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	17.4	-0.57%	1.3	13,938	110.4	523	33.5	2.9%	4.4%	
DXG	Bất động sản	17.7	0.28%	1.5	19,578	118.7	399	44.1	25.8%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	23.1	1.32%	1.3	4,554	44.6	2,445	9.3	2.9%	25.2%	
HDG	Bất động sản	27.8	0.54%	1.5	10,211	67.3	938	29.4	20.6%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	36.5	0.27%	1.2	13,814	25.2	4,849	7.5	11.4%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	30.9	2.49%	1.1	14,601	53.4	2,209	13.6	44.3%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	52.1	1.56%	1.1	12,420	9.5	5,474	9.4	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	28.7	-0.69%	1.2	5,202	10.6	1,763	16.4	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	18.5	-1.07%	1.5	17,056	58.1	801	23.4	12.2%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	159.7	3.03%	1.0	1,194,435	1068.2	1,147	135.1	3.1%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	33.2	3.75%	1.7	72,714	272.4	2,144	14.9	13.8%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.4	1.43%	0.8	7,389	10.0	1,848	18.9	38.2%	13.2%	Link
PLX	Dầu khí	36.5	2.67%	0.7	45,170	193.1	2,090	17.0	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	28.5	4.20%	1.1	15,203	319.4	1,602	17.1	10.5%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.3	-0.15%	1.1	11,902	40.3	1,262	27.2	24.9%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.2	0.00%	1.6	17,258	53.2	1,663	15.8	3.4%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	75.1	6.52%	0.7	170,113	415.0	5,014	14.1	2.0%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.0	1.56%	0.9	39,268	325.1	680	18.8	4.8%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.3	0.00%	0.7	33,204	13.4	4,776	12.8	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	208.2	0.14%	0.9	122,996	683.0	2,897	71.8	7.5%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.0	2.92%	1.6	38,578	660.9	2,313	18.5	8.4%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.3	3.03%	1.0	25,376	84.9	3,497	17.0	41.6%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.2	1.18%	0.8	10,047	139.0	6,185	9.6	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.0	2.43%	0.9	8,694	74.2	2,090	8.9	9.7%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	97.0	0.00%	0.0	11,813	132.7	3,139	30.9	4.6%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	96.0	0.10%	0.7	32,716	32.6	6,913	13.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.5	0.00%	0.8	2,969	30.7	2,535	10.5	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.5	5.11%	1.2	2,266	13.6	2,861	6.2	16.0%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.7	2.71%	1.0	15,026	84.1	1,212	18.2	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.0	1.96%	1.6	102,000	28.7	1,569	16.3	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.3	-1.16%	1.1	40,142	102.4	1,635	13.2	2.9%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	41.8	0.72%	0.8	123,972	1214.9	3,469	12.0	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	0.35%	0.0	24,363	17.8	2,337	6.1	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.0	-0.83%	0.9	32,090	11.8	1,460	8.3	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.2	-0.65%	1.3	6,848	29.6	571	26.8	5.1%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	26.5	-2.04%	1.2	7,189	18.8	2,829	9.5	4.3%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.3	-0.67%	0.7	11,401	120.4	1,715	21.9	3.6%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.8	0.10%	0.6	62,525	43.2	3,373	14.5	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.4	1.30%	0.8	12,053	13.0	6,944	7.7	19.4%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	177.0	0.23%	0.1	14,457	17.0	14,639	12.1	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	74.9	-0.27%	0.9	7,998	33.2	6,245	12.0	48.7%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.7	0.83%	0.8	9,608	16.5	5,128	16.4	4.9%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	38.8	0.65%	1.0	3,881	9.6	3,037	12.7	5.6%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.1	0.38%	1.3	7,141	40.9	1,105	11.8	10.1%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.6	3.91%	1.1	8,945	115.8	1,377	15.8	12.4%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.9	0.00%	1.0	14,804	85.2	6,148	3.7	4.5%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.3	1.10%	1.2	18,315	16.6	3,090	13.2	2.5%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>